

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-7- 2020

V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Kha

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Tiếp

2. Bà Bùi Thị Cẩm

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Trung- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 41/2020/TLST- HNGĐ về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: chị Phạm Thị Kim C-, sinh năm 1995

Địa chỉ: thôn TS 2, xã ĐL, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

2/Bị đơn: anh Phạm Văn Ch- sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn H, xã P, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

Chị Phạm Thị Kim C và anh Phạm Văn Ch có tìm hiểu và kết hôn vào năm

2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Đến đầu năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân. Hiện nay chị C không còn tình cảm gì với anh Ch nên yêu cầu được ly hôn với anh Ch

Về con chung: Vợ chồng chị C và anh Ch có một người con chung tên Phạm Huỳnh Nhã U- sinh ngày 09/11/2018. Hiện con chung đang sống với chị C. Khi ly hôn chị C yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có

*Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa Bị đơn Phạm Văn Ch trình bày:*

Về hôn nhân: anh Phạm Văn Ch và chị Phạm Thị Kim C có tìm hiểu và kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Ch nghi ngờ chị C không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến đầu năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân. Nay chị C yêu cầu ly hôn thì anh Ch đồng ý.

Về con chung: Trong giấy khai sinh thì anh là cha của cháu Phạm Huỳnh Nhã U, nhưng anh Ch cho rằng cháu U không phải là con của anh nên anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim C có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn với bị đơn anh Phạm Văn Ch ở thôn H, xã P, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim C và anh Phạm Văn Ch có đăng ký kết hôn vào ngày 2015 tại Ủy ban nhân dân xã P. Căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa chị C và anh Ch là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị C và anh Ch đều thừa nhận sau khi kết hôn thì chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn là do hai vợ chồng không cùng quan điểm sống. Hiện nay chị C và anh Ch đã sống ly thân. Mặc khác qua xác minh tại phụ nữ xã P thì được biết vợ chồng chị C, anh Ch trong cuộc sống có mâu thuẫn, bất đồng, còn nguyên nhân như thế nào thì phụ nữ xã không nắm rõ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì “vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”. Căn cứ vào quy định trên thì vợ chồng chị C, anh Ch không sống chung với nhau không rơi vào những trường hợp do luật định. Do đó vợ chồng chị C, anh Ch không sống chung với nhau (đã sống ly thân) là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 cho chị C được ly hôn anh Ch.

[2.2] Về con chung: chị Phạm Thị Kim C cho rằng trong thời kỳ hôn nhân thì chị và anh Ch có 01 người con chung tên Phạm Huỳnh Nhã U- sinh ngày 09/11/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con chung, còn anh Ch cho rằng cháu U không phải là con của anh nhưng anh không yêu cầu giám định.

Xét lời trình bày của anh Ch thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 19/5/2015 anh Phạm Văn Ch và chị Phạm Thị Kim C tự nguyện kết hôn. Hiện nay hôn nhân giữa anh Ch, chị C vẫn đang tồn tại, chưa bị chấm dứt. Theo giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã P cấp thì cháu Phạm Huỳnh Nhã U –sinh ngày 09/11/2018 có họ và tên cha “Phạm Văn Ch”. Anh Ch cho rằng cháu U không phải là con của anh và anh cũng không yêu cầu giám định cũng như không có chứng cứ, chứng minh lời trình bày của mình là có căn cứ. Như vậy cháu U sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên theo quy định tại khoản 1 Điều 88 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cháu U là con chung của chị C, anh Ch.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con dưới 36 tháng tuổi sẽ được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Hiện cháu U dưới 36 tháng tuổi nên được giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng: Tại đơn khởi kiện chị C yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/ tháng nhưng tại bản tự khai ngày 05/3/2020 chị C thay đổi yêu cầu không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con nữa. Như vậy quá trình giải quyết vụ án chị C đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu

nên thay đổi của chị C là phù hợp. Như vậy về cấp dưỡng chị C không yêu cầu nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Phạm Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng chị C đã nộp tại biên lai số AA/2014/0002809 ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim C

1. Về hôn nhân : Cho chị Phạm Thị Kim C được ly hôn với anh Phạm Văn Ch.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Huỳnh Nhã U, sinh ngày 09/11/2018 cho chị Phạm Thị Kim C trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị C không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Anh Phạm Văn Ch có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

5. Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Phạm Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng chị C đã nộp tại biên lai số

AA/2014/0002809 ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn Ch có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Phạm Thị Kim C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Minh Kha**

